

TRẦN BÁ ĐỆ (Chủ biên)
CUNG - TS. NGUYỄN XUÂN MINH
TS. PHẠM THỊ TUYẾT

GIÁO TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
KHOA LỊCH SỬ

PGS. TS. TRẦN BÁ ĐỆ (Chủ biên)
PGS. TS. LÊ CUNG – TS. NGUYỄN XUÂN MINH
TS. PHẠM THỊ TUYẾT

GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ 1945 ĐẾN NAY

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Nội dung giáo trình bao quát giai đoạn lịch sử từ năm 1945 (sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám) đến năm 2010, trải qua cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm (1945–1975) chống Pháp, chống Mỹ và 35 năm từ sau Đại thắng mùa Xuân 1975 xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đã giành được những thắng lợi lịch sử, tạo ra bước ngoặt: Tiếp sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 là các thắng lợi kháng chiến chống Pháp năm 1954, kháng chiến chống Mỹ năm 1975 và công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986.

Sách cung cấp những kiến thức lịch sử cơ bản, hệ thống, hiện đại, đổi mới, sát với chương trình Đại học Sư phạm, cung cấp cho sinh viên Đại học Sư phạm khối lượng kiến thức cần và đủ, trang bị phương pháp vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy tốt chương trình trung học phổ thông.

Trên cơ sở nội dung kiến thức, sách bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nước, yêu chế độ, niềm tự hào dân tộc, tinh thần lao động xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Giáo trình là tài liệu học tập chính, nhưng không thể thay thế cho bài giảng, mà phải kết hợp với bài giảng. Sinh viên cần đọc giáo trình trước khi nghe giảng để chủ động và dễ dàng tiếp thu bài, sau đó nghiên cứu kỹ giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để bổ sung, nắm chắc, hiểu sâu bài giảng.

Sách được cấu trúc thành 3 phần ứng với 3 thời kỳ lịch sử, gồm 12 chương:

PHẦN MỘT: Việt Nam từ 1945 đến 1954, gồm 4 chương, trình bày thời kỳ tiếp sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945, thời kỳ cách mạng nước ta thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Kháng chiến bắt đầu ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ (từ 23/9/1945), rồi mở rộng trong cả nước (từ 19/12/1946) nhằm chống thực

dân Pháp xâm lược và từ 1950 chống cả sự can thiệp của đế quốc Mỹ, bảo vệ chính quyền, giành và bảo vệ độc lập dân tộc; kiến quốc nhằm xây dựng chính quyền, chế độ dân chủ nhân dân; phục vụ kháng chiến (thực hiện nghĩa vụ hậu phương); phục vụ dân sinh (đưa lại quyền lợi cho nhân dân); tạo mầm mống và tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc.

Bốn chương của Phần một ứng với 4 giai đoạn của thời kỳ lịch sử từ 1945 đến 1954 là:

Chương 1. Việt Nam trong hơn năm đầu sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám (9/1945 – 12/1946) đề cập đến tình hình Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ hai và Cách mạng tháng Tám 1945; bước đầu công cuộc xây dựng chính quyền, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân; cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản bảo vệ chính quyền, giành và bảo vệ độc lập dân tộc.

Chương 2. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950) đề cập đến âm mưu, hành động chiến tranh của Pháp, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, đường lối kháng chiến của Đảng; cuộc chiến đấu ở Thủ đô và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, đồng thời với những hoạt động chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài; cuộc chiến đấu của quân dân ta chống lại cuộc tiến công Việt Bắc của địch; âm mưu và thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp, chủ trương và hoạt động đẩy mạnh kháng chiến của ta sau chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947.

Chương 3. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 – 1953) đề cập đến hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến, cuộc tiến công địch ở biên giới phía Bắc của quân ta; sự can thiệp sâu của Mỹ vào chiến tranh xâm lược Đông Dương, âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp – Mỹ sau thất bại ở biên giới; Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đề ra chủ trương đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và hoạt động nhằm phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt với hoạt động mở chiến dịch giữ vững và phát triển quyền chủ động đánh địch trên chiến trường.

Chương 4. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi (1953 – 1954) đề cập đến âm mưu mới của Pháp – Mỹ ở Đông Dương thể hiện trong Kế hoạch Nava, chủ trương và cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954 của ta phá Kế hoạch Nava của địch; Hội nghị và Hiệp định Giơnevơ 1954 về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương.

PHẦN HAI: Việt Nam từ 1954 đến 1975, gồm 5 chương, trình bày thời kỳ tiếp theo cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm (1945 – 1975), thời kỳ nước ta tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc phải hai lần đương đầu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ nhằm bảo vệ miền Bắc, phối hợp với cuộc chiến đấu ở miền Nam. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam phát triển lên chiến tranh cách mạng chống cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà. Hai miền đồng thời thực hiện những nhiệm vụ chung, nhằm mục tiêu chung *chống Mỹ, cứu nước* với vị trí và vai trò riêng: miền Bắc là *hậu phương* có vai trò *quyết định nhất*, miền Nam là *tiền tuyến* có vai trò *quyết định trực tiếp*.

Năm chương của Phần hai ứng với 5 giai đoạn của thời kỳ lịch sử từ 1954 đến 1975.

Chương 5. Miền Bắc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm cưỡng ép đồng bào di cư, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất, miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ – Diệm, gìn giữ hoà bình (1954 – 1960). Nội dung chương đề cập đến tình hình hai miền của Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ 1954 và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, từ đó, đặt ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Bắc là đấu tranh chống Mỹ – Diệm cưỡng ép đồng bào di cư, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957), tiếp đó tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – văn hoá (1958 – 1960) và chủ trương, biện pháp của Đảng, Nhà nước nhằm củng cố chính quyền, tăng cường lực lượng phòng thủ đất nước, mở rộng quan hệ quốc tế (1954 – 1960); chính sách của Mỹ –

quốc Mỹ. Miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương kháng chiến và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào – Campuchia.

Chương 9. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá, củng cố quốc phòng, ra sức chi viện cho tiền tuyến. Miền Nam hoàn toàn giải phóng (1973 – 1975). Nội dung chương đề cập đến cục diện cuộc chiến tranh Việt Nam, so sánh lực lượng giữa ta và địch, âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của Mỹ – Ngụy sau Hiệp định Paris 1973 về Việt Nam; miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá, củng cố quốc phòng, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam; miền Nam đấu tranh chống địch "Bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực của cách mạng tiến tới giải phóng hoàn toàn bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với ba đòn tiến công chiến lược Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Sài Gòn, với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

PHẦN BA: Việt Nam từ 1975 đến nay, gồm 3 chương, trình bày thời kỳ tiếp sau thắng lợi kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975, đất nước độc lập và thống nhất, cách mạng chuyển giai đoạn sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ sau đất nước thống nhất về mặt Nhà nước (tháng 7/1976) trải qua hai thời kỳ: 10 năm đầu (1976 – 1986) đi lên chủ nghĩa xã hội đầy khó khăn thử thách và từ năm 1986 đến nay, chủ nghĩa xã hội giành được thắng lợi lịch sử trên đường đổi mới.

Ba chương của Phần ba ứng với 3 giai đoạn của thời kỳ lịch sử từ 1975 đến 2010:

Chương 10. Việt Nam trong hơn năm đầu sau thắng lợi kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1975 – 1976) đề cập đến tình hình hai miền Bắc – Nam sau thắng lợi kháng chiến chống Mỹ năm 1975 có nhiều thuận lợi và cũng gặp không ít khó khăn thử thách; nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là ổn định tình hình miền Nam, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá ở hai miền đất nước, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Chương 11. Việt Nam bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1986) đề cập đến sự tất yếu của cách mạng Việt Nam sau Đại thắng mùa Xuân 1975 chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976–1980 và 1981–1985) do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976) và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982) của Đảng đề ra: đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và phía bắc Tổ quốc (1975–1979), từ đó nêu những chuyển biến và thách thức trong phát triển kinh tế – xã hội từ 1976 đến 1986.

Chương 12. Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 – 2010) đề cập đến hoàn cảnh Việt Nam và thế giới, từ đó đòi hỏi phải đổi mới đất nước, phải nhận thức mới về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đề ra đường lối đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội chính thức từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986), tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn chỉnh tại các Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991), Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996), Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2001), Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006) và tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (tháng 1/2011) của Đảng. Quá trình đất nước thực hiện đường lối đổi mới từ 1986 đến 2010 trải qua 3 giai đoạn: bước đầu của công cuộc đổi mới 1986 – 1995, từ 1996 – 2005 đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và từ 2006,... đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước.

Giáo trình *Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay* được viết đến hết năm 2010, nhưng quá trình lịch sử Việt Nam cận – hiện đại không dừng lại đây. Lịch sử là quá trình diễn ra liên tục. Công cuộc đổi mới đất nước vẫn tiếp tục. Đất nước không ngừng vươn lên. Vì vậy, những nhà nghiên cứu, những người học lịch sử phải luôn nắm bắt tình hình, cả những sự kiện lịch sử đất nước và thế giới vừa diễn ra và đang diễn ra để có quan điểm và hành động đúng.

Phần một

VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1954

Chương 1

VIỆT NAM TRONG HƠN NĂM ĐẦU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

(9/1945 – 12/1946)

I- TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI VÀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một loạt nước ở Trung, Đông Âu được giải phóng, lập nên chế độ dân chủ nhân dân và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội từ một nước (Liên Xô), đã trở thành hệ thống thế giới gồm nhiều nước và là chỗ dựa vững chắc cho phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tuy nhiên, cuộc Chiến tranh thế giới đã tàn phá nặng nề các nước xã hội chủ nghĩa và một số nước công nghiệp phát triển, trong đó Liên Xô phải gánh chịu tổn thất lớn nhất.

Cùng với sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở nhiều nước châu Á, châu Phi cũng ngày một dâng cao. Nhân dân các nước Lào, Campuchia, Mianma, Indônêxia, Philippin, Malaixia,... đứng lên đấu tranh chống thực dân Anh, Pháp, Mỹ, Hà Lan,... giành độc lập. Lực lượng cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã giải phóng được một phần lục địa phía Bắc với gần 100 triệu dân (trong tổng số 450 triệu dân), nhưng lực lượng phản cách mạng Quốc dân đảng do Tưởng Giới Thạch cầm đầu vẫn còn khá mạnh (1,6 triệu quân) và cuộc nội chiến giữa hai lực lượng bắt đầu diễn ra quyết liệt.

Ở châu Âu, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở một số nước, như Pháp, Ý,... giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, đòi tăng lương, giảm giờ làm, ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa. Tuy chưa mạnh mẽ và liên tục để trở thành cao trào, nhưng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản những năm 1945 – 1946 có bước phát triển mới, từ mục đích kinh tế tiến tới mục đích chính trị.

Sau Chiến tranh, trong khi nền kinh tế của các nước tư bản châu Âu bị tàn phá nặng nề, thì Mỹ trở thành một nước mạnh nhất về kinh tế (chiếm 52% tổng sản phẩm xã hội của thế giới) và nắm độc quyền vũ khí hạt nhân. Với sức mạnh về kinh tế, khoa học – kỹ thuật và quân sự, đế quốc Mỹ ráo riết thực hiện âm mưu làm bá chủ thế giới.

Thực hiện mưu đồ trên, Mỹ đưa ra kế hoạch Mácsan (Marshall) để khống chế các nước đồng minh, triển khai chiến lược toàn cầu "Ngăn chặn" chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc. Cùng với việc tăng cường chạy đua vũ trang, cuộc "Chiến tranh lạnh" do Mỹ gây ra nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa diễn ra ngày càng quyết liệt.

Như vậy, đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là ba dòng thác cách mạng cùng tiến công vào chủ nghĩa đế quốc từ nhiều phía, với những mức độ khác nhau. Đế quốc Mỹ cũng ra sức vươn lên cầm đầu phe tư bản chủ nghĩa chống lại các nước xã hội chủ nghĩa, chống lại phong trào giải phóng dân tộc, đàn áp các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản. Do vậy, mâu thuẫn chủ yếu giữa một bên là hệ thống xã hội chủ nghĩa cùng các lực lượng đấu tranh cho độc lập, dân tộc, dân chủ, hoà bình và tiến bộ xã hội với một bên là phe đế quốc do Mỹ cầm đầu, nổi lên ngày càng sâu sắc.

Tất cả tình hình trên đã tác động trực tiếp đến cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập của nhân dân Việt Nam.

Sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945, dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên độc lập tự do. Nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và bước đầu được hưởng những quyền lợi do cách mạng đem lại. Họ hiểu rõ giá trị thiêng liêng của những

quyền lợi ấy, một lòng gắn bó và quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng. Đây chính là nguồn sức mạnh vô tận giúp cho Nhà nước cách mạng còn đang trong thời kỳ trứng nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Sau Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh phát triển rất nhanh chóng. Các Hội Cứu quốc trong công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ được tổ chức thống nhất trong cả nước. Nhiều Hội Cứu quốc mới ra đời, tập hợp thêm những tầng lớp yêu nước còn đứng ngoài Mặt trận, như Công thương Cứu quốc, Phật giáo Cứu quốc, Đoàn Hướng đạo Cứu quốc, Đoàn sinh viên Cứu quốc,... Mặt trận Việt Minh thực sự trở thành ngọn cờ đoàn kết toàn dân rộng rãi, giữ vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân.

Thực hiện chủ trương vũ trang toàn dân, các địa phương đều tích cực xây dựng lực lượng. Chỉ trong thời gian ngắn, lực lượng vũ trang bao gồm các đơn vị giải phóng quân và các đội tự vệ chiến đấu phát triển nhanh chóng. Dù trang bị vũ khí rất thô sơ và thiếu thốn, chưa có nhiều kinh nghiệm tác chiến, nhưng cán bộ và chiến sĩ trong các đơn vị vũ trang đều có tinh thần chiến đấu dũng cảm, là lực lượng đáng tin cậy trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng.

Trải qua 15 năm đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo (1930 – 1945), truyền thống đoàn kết, bất khuất của dân tộc Việt Nam càng được phát huy cao độ. Đảng Cộng sản Đông Dương ngày càng trưởng thành, bám rễ sâu vào quần chúng và thêm dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo. Sau khi đất nước được độc lập, Đảng kịp thời mở rộng đội ngũ, đào tạo cán bộ, tăng cường lãnh đạo mọi mặt hoạt động, chuẩn bị tổ chức cho toàn dân bước vào cuộc đấu tranh mới,...

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên, Nhà nước cách mạng Việt Nam, ngay sau khi ra đời, đã phải đứng trước một tình thế hết sức hiểm nghèo.

Nền kinh tế nước Việt Nam chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, thiên tai thường xuyên xảy ra. Trận lụt lớn hồi tháng 8/1945 làm vỡ đê ở 9 tỉnh Bắc Bộ, 1/3 diện tích canh tác bị hư hại nặng. Sự thiệt hại do trận lụt này gây ra ước tính khoảng 2.000 triệu đồng, tương đương khoảng 3 triệu tạ gạo (theo giá lúc đó). Ba tỉnh vùng Bắc